

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày: 21/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân

1. Ông: Nguyễn Chí Vương

2. Ông: Trịnh Văn Đoan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên .

Ngày 21/3/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 20/02/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 18/2019/QĐXXST-HS ngày 05/3/2019 đối với bị cáo:

Dương Thanh H, sinh ngày 01/8/1996 tại Bình Phước; Tên gọi khác: T; Nơi cư trú: tổ 6, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Thanh L, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 07/9/2017 bị công an xã T, huyện H xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000đ và chưa chấp hành xong quyết định.

Về nhân thân: Ngày 19/11/2016 bị công an xã T, huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ.

Ngày 23/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong án phạt.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Dương Thanh H₂, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Hồ Ngọc H₂, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ họ hàng với Dương Thanh H₁ (là chú ruột của H) ngày 11/9/2017 H đến nhà ông H₁ hỏi mượn xe mô tô để đi mua đồ dùng cá nhân. Ông H₁ đồng ý và giao xe mô tô Wave, biển số 53R4-6618 cho H, mượn được xe H điều khiển xe mô tô đến tạp hóa mua hộp quẹt sau đó H tiếp tục đến xã T thăm em ruột là Dương Thị Kiều O. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày H điều khiển xe đi về nhà thì gặp H₂ và một người tên P. H₂ và P rủ H đi qua xã L chơi thì H đồng ý, do không có tiền đi chơi nên H nảy sinh ý định cầm xe lấy tiền đi chơi, H điều khiển xe mô tô mượn của ông H₁ đến nhà ông Nguyễn Văn M tại ấp A, xã T cầm xe, H nói dối là xe của H nên ông M đồng ý cầm xe cho H với số tiền 1.000.000đ. Không thấy H mang xe về trả cho M nên ông H₁ đã làm đơn trình báo lên cơ quan Công an.

Tại cơ quan điều tra H đã khai nhận toàn bộ nội dung vụ án. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu hồi chiếc xe do bị cáo cầm cố cho ông M và trả lại cho bị hại.

Tại kết luận định giá tài sản số 738/KL-HĐĐGTTTHS ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu UNION, màu xanh, biển số 53R4-6618, số khung UGF0810277, số máy UGE100-0810277 của ông H₁ có giá trị tại thời điểm H chiếm đoạt là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra trước đó khoảng tháng 5/2017 H cũng có mượn xe mô tô của ông H₁ đi công việc riêng nhưng sau đó H cũng đem cầm cố cho Hồ Ngọc H₂ lấy tiền tiêu xài.

Tại kết luận định giá tài sản số 738/KL-HĐĐGTTTHS ngày 24/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, màu nâu, biển số 82K4-0253 có giá là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSHQ ngày 20/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Dương Thanh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Thanh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140, điểm p,g khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh H mức án từ 12 đến 16 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Bình Phước trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 11/9/2017 H có mượn 01 chiếc xe mô tô của ông H₁, biển số 53R4-6618 sau khi mượn được xe, vì muốn có tiền tiêu xài H đem cầm cho Nguyễn Văn M lấy tiền 950.000đ tiêu xài hết.

Do có mối quan hệ chú cháu nên khi cần phương tiện là xe máy, H hỏi mượn và ông H₁ đồng ý cho mượn. Sau khi nhận tài sản của ông H₁, vì cần tiền để sử

dụng cho mục đích cá nhân nên H đã đem cầm cố lấy tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân của H. Hành vi trên của bị cáo đã có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản.

Tuy giá trị tài sản chiếc xe của ông H₁ có giá trị dưới 4.000.000đ nhưng trước đó ngày 07/9/2017 H đã bị Công an xã T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa tiền sự bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông H₁ nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội cũng như tại phiên tòa công khai, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo qui định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm đó là tù có thời hạn một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đối với ông Nguyễn Văn M và Hồ Ngọc H₂ không biết tài sản (xe mô tô) H đem cầm cố là do mượn của ông H₁ đem cầm nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo đang có 01 tiền sự ngày 07/9/2017 bị Công an xã T, huyện H xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000đ và chưa chấp hành xong quyết định.

Ngày 19/11/2016 bị công an xã T, huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000đ.

Ngày 23/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Cho thấy từ năm 2016 đến 2018 bị cáo đã vi phạm pháp luật 3 lần trong đó 2 lần bị xử phạt hành chính, 1 lần xử lý hình sự cho thấy nhân thân của bị cáo là không tốt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi và trả lại cho

bị hại được một phần, Ngoài ra, bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p,g khoản 1,2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý xong trong quá trình điều tra.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Dương Thanh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm p,g khoản 1,2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh H 01 (một) năm tù. Thời gian tính tù từ bắt thi hành án.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Dương Thanh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết theo qui định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thành Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Văn Đoan

Nguyễn Chí Vương

Lê Thành Liêm